



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

NDC

ĐÓNG GÓP DO QUỐC GIA TỰ QUYẾT ĐỊNH

Cập nhật năm 2022





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

NDC

ĐÓNG GÓP DO QUỐC GIA TỰ QUYẾT ĐỊNH

Cập nhật năm 2022

Hà Nội, 11-2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC	iv
DANH MỤC BẢNG	vii
DANH MỤC HÌNH	vii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	viii
I. GIỚI THIỆU	1
1.1. Giới thiệu chung	1
1.1.1. Về nội dung chung	2
1.1.2. Về giảm phát thải khí nhà kính.....	2
1.1.3. Về thích ứng với biến đổi khí hậu	3
II. GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH	5
2.1. Nỗ lực và thành quả của Việt Nam trong giảm phát thải khí nhà kính	5
2.1.1. Chính sách hỗ trợ thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính	5
2.1.2. Những nỗ lực về giảm phát thải khí nhà kính	5
2.2. Kịch bản phát triển thông thường	7
2.3. Các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực.....	8
2.3.1. Năng lượng	8
2.3.2. Nông nghiệp	9
2.3.3. Sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp	9
2.3.4. Chất thải	9
2.3.5. Các quá trình công nghiệp	9
2.4. Đóng góp về giảm phát thải khí nhà kính	9
III. THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	15
3.1. Biến đổi khí hậu ở Việt Nam	15
3.1.1. Biến đổi khí hậu ở Việt Nam theo số liệu quan trắc	15
3.1.2. Dự tính biến đổi khí hậu ở Việt Nam đến cuối thế kỷ 21.....	15
3.1.3. Sự gia tăng rủi ro do biến đổi khí hậu	15

3.1.4.	Tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực và khu vực.....	16
3.1.5.	Tổn thất và thiệt hại	20
3.2.	Nỗ lực và thành quả của Việt Nam về thích ứng với biến đổi khí hậu	21
3.2.1.	Các chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu	21
3.2.2.	Những nỗ lực về thích ứng với biến đổi khí hậu	22
3.2.3.	Huy động tài chính cho thích ứng với biến đổi khí hậu.....	23
3.3.	Thiếu hụt trong thích ứng với biến đổi khí hậu	24
3.3.1.	Về khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội	24
3.3.2.	Về khả năng ứng phó với khí hậu cực đoan và thiên tai gia tăng do biến đổi khí hậu.....	25
3.3.3.	Về hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.....	25
3.4.	Đóng góp về thích ứng với biến đổi khí hậu.....	26
3.4.1.	Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững	26
3.4.2.	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng, góp phần giải quyết vấn đề tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu	28
IV.	TIỀM NĂNG ĐỒNG LỢI ÍCH	31
4.1.	Hài hòa giữa giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội	31
4.2.	Hài hòa giữa ứng phó với biến đổi khí hậu và các mục tiêu phát triển bền vững.....	32
V.	TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NDC.....	35
5.1.	Các giải pháp thúc đẩy việc thực hiện NDC	35
5.1.1.	Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách	35
5.1.2.	Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng.....	36

5.1.3.	Phát triển nguồn nhân lực.....	36
5.1.4.	Phát triển khoa học và công nghệ	37
5.1.5.	Huy động nguồn lực tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu	38
5.1.6.	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu	38
5.2.	Trách nhiệm thực hiện	39
5.3.	Nguồn tài chính thực hiện NDC	39
5.4.	Giám sát và đánh giá.....	40
5.4.1.	Giám sát và đánh giá mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính.....	40
5.4.2.	Giám sát và đánh giá mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu	41
5.4.3.	Giám sát và đánh giá các nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu.....	41
VI.	THÁCH THỨC VÀ NHU CẦU HỖ TRỢ QUỐC TẾ.....	43
6.1.	Thách thức trong thực hiện NDC.....	43
6.2.	Nhu cầu hỗ trợ quốc tế để thực hiện NDC	45
6.2.1.	Hỗ trợ về xây dựng, hoàn thiện chính sách và tăng cường năng lực	45
6.2.2.	Hỗ trợ về giảm phát thải khí nhà kính.....	46
6.2.3.	Hỗ trợ về thích ứng với biến đổi khí hậu	46
6.2.4.	Hỗ trợ về nghiên cứu, chuyển giao công nghệ	47
6.3.	Sự không chắc chắn và rủi ro	47

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.	Phát thải khí nhà kính theo kịch bản phát triển thông thường	7
Bảng 2.	Đóng góp do quốc gia tự quyết định về giảm phát thải khí nhà kính	10
Bảng 3.	Đóng góp về giảm phát thải của quốc gia và của các lĩnh vực	11
Bảng 4.	So sánh mục tiêu giảm phát thải trong NDC 2020 và NDC 2022	12

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.	Phát thải khí nhà kính theo kịch bản phát triển thông thường	7
Hình 2.	Phát thải khí nhà kính quốc gia và các lĩnh vực theo Đóng góp không điều kiện	12
Hình 3.	Phát thải khí nhà kính quốc gia và các lĩnh vực theo Đóng góp có điều kiện	13

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BAU	Kịch bản phát triển thông thường
CNG	Khí tự nhiên được nén
COP	Hội nghị các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu
INDC	Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định
IP	Các quá trình công nghiệp
IPCC	Ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu
LNG	Khí tự nhiên hóa lỏng
LULUCF	Sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp
M&E	Giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu
MRV	Đo đạc, báo cáo, thẩm định các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính
NDC	Đóng góp do quốc gia tự quyết định
NDC 2020	Đóng góp do quốc gia tự quyết định cập nhật năm 2020 của Việt Nam
NDC 2022	Đóng góp do quốc gia tự quyết định cập nhật năm 2022 của Việt Nam
RDF	Nhiên liệu từ nhựa và giấy thải
TOE	Tấn dầu quy đổi
CO ₂ td	CO ₂ tương đương
UNFCCC	Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu

1

GIỚI THIỆU

